

# KHỞI TÍN LUẬN SỞ BÚT SẢO KÝ

## QUYỂN 15

### ***Bi hạnh:***

Nói gốc Phật ở nhân, vì khi bồ-tát thực hành các hạnh, trước đều lấy từ bi làm gốc, lấy lợi tha làm đầu, để nhiếp hóa chúng sinh.

Các ba-la-mật v.v... trở xuống, nghĩa là dùng các độ để nhiếp, khiến nương tựa vào chính mình, giáo hóa khiến theo điều lành, dùng bố thí nhiếp nghèo cùng, trì giới nhiếp phá giới, v.v... Đây chung cả tự lợi và lợi tha. Kinh Duy-ma nói: “Ban cho của cải vô lượng nhiếp các dân nghèo, giữ giới thanh tịnh nhiếp các phá giới, dùng hạnh nhẫn điều thuận nhiếp các tức giận, dùng đại tinh tấn nhiếp các sự biếng nhác, nhất tâm thiền định nhiếp các ý loạn, dùng tuệ quyết định nhiếp các vô trí”.

### ***Nguyện lớn:***

**Sớ:** Tâm rộng lớn: tức câu “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ” trong bốn thệ nguyện rộng lớn, cũng như trong kinh Kim Cương Phật bảo người phát tâm Bồ-đề phải độ khắp bốn sinh chín loài. Đức Di-lặc giải thích cũng nói “tâm rộng lớn”.

Tâm lâu dài: ở đây đồng hạnh nguyện trong kinh Hoa Nghiêm. kinh nói: “Cõi chúng sinh cùng tận, hạnh ta mới cùng tận. Do cõi chúng sinh không cùng tận nên hạnh nguyện này của ta cũng không cùng tận”. Trên là nói về nơi chốn rộng, nên nói “các cõi chúng sinh”, đây là nói về mặt thời gian, nên nói “tận ở vị lai”.

### ***Phương tiện:***

**Sớ:** Bi sâu: thấy chúng sinh như cha mẹ, v.v... cũng chưa bằng thấy đồng với thân mình, thấy đồng với thân mình mới là sâu xa.

Trí sâu, rõ chỉ do tâm, biết các chúng sinh vốn vô tánh nên vốn là vô niệm, từ xưa đến nay Niết-bàn không đợi diệt. Tiểu thừa quyền giáo không thể quên tướng này, bởi duyên trí cạn. Nay, Bồ-tát Thật giáo ngược lại, nên nói là “sâu”.

Gồm ở trên: Nghĩa là gồm cả bi sâu.

Chẳng điên đảo: chúng sinh vốn đồng với thân ta, đồng là đều vô tướng. Bởi thấy khác tướng thì thành điên đảo, nay đều trái với đây.

Nguyên do lâu xa, gồm giải thích nguyên do rộng lớn, văn sơ lược thiếu. Nếu không thể rõ đồng thân ta mà quên tướng kia, thì đâu thể như đây độ khắp mãi ư?

Gạn nguyên do: ý nói vì nghĩa gì được như thân ta, mà lại chẳng chấp tướng chúng sinh?

Nương môn Chân như v.v..., vì trong môn này nói lên tất cả pháp đều là tức Chân, trọn đồng với Như. Cho nên được thân ta thân người bình đẳng không hai, thì đâu thể chẳng thương xót mà muốn độ ư? Lại, đã đồng một chân thì đều là vô tướng, vậy ai là năng độ, ai là sở độ, nên không chấp tướng chúng sinh kia, tuy nhiên ở đoạn văn này, hãy chính chắn tìm ý kia.

Hai câu Chỉ chấp lấy tất cả v.v... trở xuống. Đoạn trước là giải thích ngắn chia lý do rộng dài.

Theo mà cũng chẳng chấp v.v... trở xuống, nêu gốc đại trí. Đoạn sau là gạn giải thích chỉ hiển bày lý do chẳng chấp tướng, xem kỹ sẽ thấy.

- *Nói về quả.* Có ba:

*a. Nêu lại nhân trước:*

**Luận:** Trí đại phương tiện, nói có chung riêng, chung thì phương tiện tức là trí, lại có hai nghĩa:

- Trí thuận theo xuất ly đều là phương tiện. Đây chung cho Kim cương vô gián trở xuống, chẳng phải chỉ Địa tiền, cho nên địa vị Thập địa sau gọi là phương tiện đầy đủ. Kinh Viên Giác cũng nói: “Tuy có nhiều phương tiện, đều gọi là Trí thuận theo”.

- Trí này là phương tiện đại bi, nếu không có trí làm phương tiện, thì chẳng phải đại bi mà rơi vào ái kiến. Nên trước nói chúng sinh mà chẳng chấp tướng chúng sinh, trong sơ giải thích là trí sâu. Tuy nhiên, có khi nhân trí mà khởi bi, biết rõ chúng sinh đồng với thân ta cho nên muốn độ. Hoặc nhân bi mà khởi trí, chẳng biết nguyên do mà học phương tiện. Kia thật có hai thuyết, phải trái gồm thông.

Biệt thì chứng chân gọi là trí, hệ tục là phương tiện, là tên khác của căn sau. Chính là dứt vô minh căn bản, thấy Pháp thân; công đức của trí này khởi nghiệp không thể nghĩ bàn giáo hóa lợi ích chúng sinh, là năng lực phương tiện. Nay luận này ý đầy đủ ở chung riêng.

*b. Rõ quả tự lợi:* Sơ: Quả tự lợi, đồng tướng trí tịnh. Quả vị Pháp thân tức là bản giác trong nhân Vì nêu nhân bày quả nên nói “thấy bốn

Pháp thân”, vì trước nêu quả bày nhân, nên nói “nương Pháp thân nói bản giác”; cùng với đây hiển bày lẫn nhau.

**c. Nói quả lợi tha.** Có ba:

- Nói về dụng sâu xa:

**Sớ:** Nghiệp dụng, tức nghiệp tướng không thể nghĩ bàn, mầu nhiệm khó hiểu, tâm và ngôn ngữ không đến kịp. Chẳng nên dụng mưu tính trước mà sau khởi giáo hóa; nên nói “Sâu xa chẳng tác ý, v.v...”

Nhiếp luận, v.v..., nói đủ là: “Nếu quả Phật là trí vô phân biệt, là chỗ hiển bày lìa phân biệt, thì chư Phật đâu được nương chúng sinh mà làm việc lợi ích, như lý không điên đảo, vô công dụng mà làm việc”, cho nên nói kệ rằng:

*Như ma-ni trống trời  
Nghĩa “Không” thành việc mình  
Chẳng phân biệt như thế  
Các thứ Phật sự thành.*

Đây là nói lên ba nghiệp của Như Lai vô công dụng mà làm các việc, đều không thể nghĩ bàn.

Ma-ni là tiếng Phạm, Hán dịch là Ly cấu, cũng dịch là Tăng Trưởng, xưa dịch là Như ý, ở đây dụ cho hai nghiệp thân ý của Như Lai. Nếu theo chỗ đối kia thì hiện hình tượng khác nhau, tức dụ cho thân nghiệp của Phật, hoặc theo nơi người phát xuất các vật, tức dụ cho ý nghiệp của Phật.

Trống trời là vật sở hữu của Thiên đế, khi Tu-la kéo quân đến thì âm thanh của trống kia tự nhiên phát ra tiếng, nói là giặc đến, giặc đi nói là giặc đi, đây dụ cho khẩu nghiệp của Phật. Hai vật này tuy có công dụng ấy mà không thể nghĩ bàn, đây dụ cho ba nghiệp tự nhiên của Phật.

Thành tự sự, hiện hình tượng, phát ra tiếng, mỗi thứ tùy theo dụng kia mà phân biệt sự nghiệp, cũng có thể lấy hạt ngọc hay trống tự việc của nó, chỉ dụ thân miệng đều không suy nghĩ, đồng dụ cho ý nghiệp.

- Nói lên dụng rộng lớn:

**Sớ:** Xứng lý dụng, do dụng tức thể, thể khắp dụng khắp đều không có nơi chốn. Nếu không như vậy thì đâu gọi là dụng chân như!

- Dụng mà thường tịch. Có hai:

Hiển bày:

Nói: Lại cũng v.v..., trước không có tướng chúng sinh sở hóa, đây không có tướng ứng dụng năng hóa, hưởng về văn trước nên nói lại cũng.

Dụng thường tịch, tuy hiện các thứ thân mà chẳng động mé chân tự tánh, tuy nói các thứ pháp thường trụ lý vô ngôn.

Gạn giải thích:

**Sớ:** Ba thân, nay tuy nêu chung ý trách hóa thân, hóa thân là tướng dụng. Luận nói “Pháp thân là thân trí tướng”, hợp làm chân thân, lý trí không hai.

Đệ nhất, v.v..., đứng về mặt khoa nhị đế mà phân biệt. Ý nói vô tướng cho nên chẳng phải thế đế, là vô vi nên lìa tạo tác.

**Sớ:** Phế cơ, chẳng phải đối chúng sinh mà nói. Điều lý tức Pháp thân, bốn trí tức thân vô tướng.

Không ứng hóa: hễ có tướng đều thuộc về thế đế. Do từ căn cơ cảm duyên mà sinh, nay đã bỏ căn cơ, nên nói “lại không”.

Chỉ tùy..., có cảm ứng kia, đuổi theo duyên sinh, duyên không tự tánh. Dụng thì thường tịch, nên nói vô dụng. Đây có hai nghĩa được nói là vô dụng.

Thuộc nhân: Nhân tức bi trí, nhưng có thân sơ. Sơ tức trí, thân tức bi. Nương trí khởi bi, nên luận nói: “Từ trí hậu đắc xuất phát tên đại bi, nếu không nhờ kia giáo hóa thì không bao giờ khởi. Như Nhị thừa không có bi. Phạm phu không có trí, làm sao giáo hóa?”

Thuộc duyên: Tức căn cơ thuận thực của chúng sinh. Nếu không có duyên kia giáo hóa cũng chẳng khởi. Vì trong mười phương có hay không, Phật ở đời, hai nghĩa tướng kia phải có nhân duyên đầy đủ. Đã thuộc nhân duyên thì đâu thể giáo hóa mà được!

Như sóng v.v... trở xuống, là dụ.

Nên dụng v.v... trở xuống, là hợp. Tịch tức là thể, nên Đỗ Thuận nói: “Dụng tức lượn sóng trào dâng, toàn chân thể để vận hành. Thể thì gương trong nước lặng”, nên tùy duyên mà hội tịch.

Niết-bàn, v.v... trở xuống, là dẫn chứng.

Thân này là hoá thân.

Đẳng, văn kia nói đủ là: “Nay thân này của ta tức là thân thường, Pháp thân kim cương chẳng hoại”. Do ba thân đều có nghĩa thường, nên lại nói Pháp thân để lạn phân biệt sợ người không hiểu tướng Pháp thân, nên nêu ví dụ, giống như kim cương chẳng thể hoại. Như như tức Pháp thân, trí tức báo thân.

Riêng còn: Pháp thân, báo thân hợp. Lập lại đoạn văn như như tiêu biểu không hai. “Gọi là Pháp thân”, nhiếp trí trở về như, đứng về mặt bốn mà đặt tên gọi. Nhưng kinh Niết-bàn là nhiếp dụng trở về thể. Nhiếp luận tức chẳng hiện bày chân thân, tuy ngôn thuyết chẳng đồng

mà ý nghĩa không khác.

**Sớ:** Tuy chân tự tánh v.v... trở xuống, kinh nói: “Pháp thân Phật chân, giống như hư không, ứng vật hiện hình như trăng trong nước, tịch mà thường dụng”, chính là nghĩa ấy.

Ứng thân: Nói có hai:

Đứng về mặt thức mà nêu người:.

**Sớ:** Phàm phu..., Nhị thừa mê ở bản giác. Phàm phu tức từ Thập tín trở xuống là tất cả phàm phu. Địa vị Tín tuy tin chân như, đã biết Duy thức. Nhưng sự thức thô kia nói lên lợi, xoay vẫn phân biệt pháp ngoài tâm.

Nay thấy, v.v..., cảnh chung nhiễm tịnh, tuy thấy là Phật vẫn thuộc cảnh tịnh, cũng cho rằng ngoài tâm.

Cũng có thể, v.v..., trước lấy sự thức làm chỗ nương, nay lấy sự thức làm chỗ giác.

Nói sở giác, chỉ cho biết là có, chẳng cho rằng giác đoạn. Nhưng chỗ nương tức là chỗ giác rốt cuộc chẳng khác.

Nương thức thô này, v.v..., kia giống như gương sáng đối vật hiện hình tượng khác nhau, đâu có vật xấu mà hiện bóng đẹp! Đây tức đẹp xấu do vật, mà gương thì không hề có tốt xấu. Mục ứng thân do đây mà lập.

Giải thích nguyên do thấy thô:

**Sớ:** Mê duy tâm, Phật từ trong tâm hiện, ngược lại thấy từ ngoài tâm đến, chẳng biết do thức nên nói mê tâm.

**Luận:** Chấp sắc v.v... trở xuống, là mê cảnh. Do mê duy thức hiện, chấp thấy ngoài tâm thật có cảnh giới, chẳng biết là không nên chấp phân biệt.

Không thể biết hết, v.v... chẳng biết như tâm kia không phân biệt, chỉ có thấy phân biệt, cho nên chẳng tận cùng.

**Sớ:** Chẳng đạt v.v... trở xuống, vẫn có ba:

Lược mất vẫn kia: Chẳng đạt là sắc từ tâm sinh, vốn không có tự thể, vốn là tự tâm, tâm không phân biệt, khiến cho các sắc cũng không phân biệt. Nay phàm phu, Nhị thừa chẳng đạt nghĩa này nên thấy từ ngoài đến, mà tạo phân biệt chấp trước.

Rộng bày hỏi đáp. Sớ: Hỏi: Thân Phật v.v... trở xuống, chung có mười bốn:

1- Vặn hỏi thân Phật, phàm thức khó phân: Thức chúng sinh, do luận nói: “Chẳng biết chuyển thức hiện”, ý nói thân Phật là chuyển thức hiện, mà phàm phu, Tiểu thừa chẳng biết. Nay ý hỏi rằng: Chuyển

thức hữu lậu thuộc ở chúng sinh. Ứng thân vô lậu tự thuộc nơi Phật, tại sao thân tịnh chỉ là thức nhiễm, há chẳng phải phạm thánh, nhiễm tịnh chẳng phân ư!

2- Đáp vốn cùng dòng mà khác mê ngộ.

Đáp: Chúng sinh v.v... cho đến không hai là nêu gốc. Chúng sinh là vọng, do đối với vọng nên nói chân tâm. Chư Phật là tướng để đối với tướng nên nói thể kia bình đẳng, nói lên không thêm bớt.

Không hai, một thể chẳng phân. Nghĩa là chân tâm của chúng sinh tức là thể của chư Phật, không có tăng giảm, chẳng phân hai riêng biệt.

Chỉ chúng sinh v.v... trở xuống giải thích chưa hiển bày dụng. Do có năng lực vô minh khiến cho thể chân như ẩn, chỉ hiện pháp nhiễm khởi ra chín tướng. Chân tức không sức lực, không thể hiện dụng tịnh ứng thân. Như nước bị gió làm kích động, chỉ dậy sóng mà không thể hiện hình tượng.

Do kia v.v... trở xuống, xuất phát nguyên do dụng hiển.

Trong huân vọng tâm, như văn trước nói: “Do có pháp chân như, tức huân tập vô minh, khiến vọng tâm kia chán khổ sinh tử, ưa cầu Niết-bàn...”. Nay văn nói chung, nên nói “huân vọng tâm”.

Chán, cầu kém, phạm phu, Nhị thừa tuy có chán cầu mà chưa thể khởi duy tâm đại hạnh mạnh mẽ tinh tấn, nên chỗ hiện dụng chỉ là ứng thân thô mà lại hiển.

Chán, cầu tăng: bậc Tam hiền trở lên cho đến bậc Thập địa. Chỗ thấy báo thân dần dần nhỏ nhiệm, do tùy theo chán cầu tăng thặng biện.

Chán, cầu dứt: vô minh hết, chỗ chứng tột cùng.

Thỉ giác, v.v..., không có vọng để đoạn, thỉ giác đồng bản giác, không có húng sinh để độ, hóa thân trở về Pháp thân.

Bình đẳng, thỉ bản bình đẳng, chân ứng bình đẳng. Nên nói trở lại, “không hai không khác cũng giống như thế.”

Chưa đến v.v... trở xuống là tổng kết đáp. Đã là thân Phật thô tế đều do chán ưa, hơn kém. Đây cũng chẳng phải nghĩa Duy thức, cho nên luận nói: “Chuyển thức hiện”.

3- Nạn chân khởi thức hiện tướng trái nhau. Sơ Hỏi: Nếu y cứ, v.v... trở xuống là ý nói: Trên nói theo dòng mê chân, nên chẳng khởi dụng. Ngược dòng ngộ lý cho nên khởi dụng. Nên biết dụng này từ chân khởi, đâu được luận nói “chuyển thức hiện”.

4- Đáp theo dòng, ngược dòng giúp nhau. Sơ: Đáp: Chuyển thức

v.v... trở xuống.

Nương đây, v.v..., luận nói: “Do nương vào hay thấy, nên cảnh giới vọng hiện”.

Thức này, v.v..., chuyển thức là chân tâm theo dòng mà thành, tánh tướng chẳng lìa nên nói hòa hợp, hòa hợp tức thức A-lại-da.

Lìa chân chẳng lập: vọng phải nương vào chân, như sóng nương nước. Nên luận nói: “Tất cả tướng tâm thức đều là vô minh, tướng viên mãn chẳng lìa tánh giác. Lại nương giác cho nên mê. Nếu lìa tánh giác thì không đâu chẳng giác”.

Lìa vọng chẳng hiển: do dụng chẳng tự khởi phải nhờ duyên. Đây có hai nghĩa: 1- Nói về mặt tự thể: Nghĩa là chúng sinh sẵn có chân như là thể của dụng. Nếu không có vọng tâm làm chỗ huân duyên thì chân dụng này đâu thể khởi. Khởi đâu do có vọng tâm làm chỗ huân. Nên ngay lúc hiển chân tâm có công lực kia, khiến kia chán cầu, dần dần tự biết mà hiện tướng dụng. 2- Nói theo thể của Phật: Nghĩa là dụng ứng hóa của Phật. Nếu chẳng phải chúng sinh làm duyên, cũng không do đâu khởi, khởi cũng vô dụng. Kia đây đưa ra thật là do vọng. Nếu lìa vọng thật không có tướng dụng, nên môn Chân như chỉ hiển bày tự thể, cho đến biển quả cũng mất, đồng một giác. Nên văn sau nói: “Không có sắc tướng kia đây đáp đối nhau mà thấy”, kế đến số ở trước nói: “Dụng trở về thể, bình đẳng không hai”.

Nên chấp, v.v..., như người mắt sáng không thấy hoa đốm trong hư không. Người hoàn toàn mất ánh sáng, cũng không thấy hoa đốm giữa hư không. Người dụi mắt mới thấy hoa đốm giữa hư không, nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Như người dụi mắt thì chỗ thấy chẳng phải trong, cũng chẳng phải ngoài, thế gian thấy chư Phật nên biết cũng giống như thế”.

5- Nạn tâm Phật, ngoài Phật có sai biệt. Số Hỏi: Nếu y cứ v.v... trở xuống. Ý nói: “Nếu ở trước nói: “Thể chân như nhờ vọng duyên mà khởi dụng”. Đây tức chúng sinh tự chân tâm mình có dụng thô tế, đâu được nói là báo hóa thân của Phật khác ư!

6- Đáp tâm thể, Phật thể không khác nhau. Số Đáp: Chúng sinh v.v... trở xuống.

Phật thể v.v..., ý nói chân tâm chúng sinh đã tức là chân thể của chư Phật. Nên biết ứng hóa mà chúng sinh khởi, tức là ứng hóa của chư Phật. Đây tức trước chỉ đồng thể.

Hoa Nghiêm v.v... trở xuống, là dẫn chứng.

Nghĩa một là thể, thể chân như không khác nhau.



Đã từ v.v... trở xuống là tổng kết đáp dụng đôn, y cứ ở trước đáp hỏi hợp rằng: Đâu được chẳng phải là do chân tâm của chúng sinh ứng hóa ra. Văn sơ chỉ tổng kết Pháp thân, Pháp thân tức chân tâm của chúng sinh, nên còn lược.

7- Nói về sự tự nghĩa một mà văn khác. Sớ Hỏi: Nghĩa nếu, ý nói: “Nếu nói Pháp thân Phật khởi dụng, tức là dụng của chân tâm chúng sinh. Đây là từ Phật khởi dụng, trở lại tự giáo hóa, vì sao lại nói năng lực bi nguyện của Phật huân khắp khởi dụng.

8- Đáp văn khác trở lại đồng một nghĩa. Sớ Đáp: Tức đây v.v... trở xuống. Ý nói: Bi nguyện của Phật tức là bi nguyện của chân tâm chúng sinh, không hai không khác. Nếu nói theo Phật thì gọi là bi nguyện. Nếu nói về mặt chúng sinh thì tức là bi nguyện của chân tâm.

Nghĩa là không v.v... trở xuống là giải thích thành. Chân tâm tức là tánh bi nguyện, tánh là thể của Phật. Thể Phật khởi dụng, nên gọi là bi nguyện của Phật. Giống như một vật vốn thuộc về đại gia, nam nữ đều dùng, nói là mình có. “Tánh khởi”: tánh chung kia đây, dụng đâu có nào thành hai.

9- Nạn tâm Phật chẳng khởi hóa dụng. Sớ Hỏi: chúng sinh v.v... trở xuống. Do trước nói: “Chân tâm chúng sinh tức đồng thể với Phật, chư Phật ứng hòa tức là dụng chúng sinh”. Ý nói: Chân tâm chúng sinh đều có, vì sao chư Phật khởi lên hóa dụng, chúng sinh không thể khởi ư?

10- Đáp chưa khởi chán câu trái với dụng. Sớ Đáp: Chưa có v.v... trở xuống, như trước trong phần đáp thứ hai đã có nói rõ.

11- Hỏi: Chẳng thể huân khiến phát tâm. Sớ: Hỏi: Đã v.v... trở xuống. Như ở trước nói: Lý do chúng sinh sinh khởi chán câu, đều do năng lực bản giác bên trong huân. Nếu sẵn có bản giác, vì sao chẳng đồng với chư Phật khác sớm huân khởi chán câu?

12- Đáp dẫn nhân duyên trước thiếu sót lẫn nhau. Sớ Đáp: Vô minh v.v... trở xuống. Rộng như ở trước, tương tự thể huân tập trong phần hỏi đáp đã nói.

13- Nạn chân Phật đâu nhờ tu nhân. Sớ: Hỏi: Nếu chân tâm v.v... trở xuống. Ý nói: Nếu từ hạnh sinh, thì xưa chưa là Phật. Đâu được trước nói chân tâm chúng sinh đồng thể chư Phật mà nói về thân ứng hóa ư?

14- Đáp nhân quả vô tánh mà đồng nguồn. Sớ Đáp: Đây đứng về ... trở xuống. Ý nói: Chỗ nói từ hạnh sinh chỉ là bản giác theo dòng thành nhiễm. Thử giác ngược dòng thành tịnh, nên nói có hạnh. Như khắc định về chân tâm kia thì rốt ráo không khác với Phật thể, đây là nhân quả, mê ngộ đều không khác nhau. Nay sơ một bề thử giác đồng



bản giác.

Nói lên không khác nhau, là lấy quả nêu nhân.

Đối nói về quyền thật: Sơ: Từ trên đến đây v.v... trở xuống. Thật giáo như ở trên đã nói. Nếu nói về quyền giáo thì chúng sinh và chư Phật làm duyên tăng thượng lẫn nhau, nên vẫn ở tự thức mà hiện ảnh tượng. Nay văn sơ này lại nói về mặt chúng sinh, nên nhờ Phật bi trí làm duyên tăng thượng, tự thức có thấy hạt giống Phật làm nhân duyên, nhờ Phật hiện hóa thân làm bản chất. Tuy nhiên, ở tự thức biến khởi ảnh tượng mà thấy ở Phật, chỉ ảnh tượng này là tự thức hiện, nên nói Duy thức. Nếu bản chất kia tự nhiếp trở về thức Phật, chẳng thuộc về chúng sinh. Nếu như đây nói trở lại ngoài tự thức, tự có bản chất Phật riêng, đâu thành tất cả duy tâm, chẳng đồng với ứng hóa mà văn này nói, chỉ là tự tâm hiện. Dù nói do bi nguyện của Phật, đây cũng là tự tâm không hai không khác. Nên nay dẫn kia để đối biện, phải biết quyền thật có khác, ngoài ra như sau chỉ bày nói. rộng

Đứng về mặt thức nêu người:

Nói: Địa cứu cánh, tức địa thứ mười, chẳng phải Diệu giác.

Thuận nghiệp thức, nghĩa là nghiệp tướng lần lượt hiện các cảnh giới, đó là cảnh từ thức sinh. Bồ-tát Thập trụ, v.v... đạt sâu lý này, nương đây tu hành nên thấy báo thân Phật. Nói Sơ phát ý tức tín thành tự phát tâm. Cũng có thể từ Sơ Tín trở đi, gọi là Sơ phát tâm. Trong đây chỉ là nương tâm Tam-muội mà thấy, tức ở trước duyên bình đẳng.

Y báo, chánh báo: Y chánh báo, trong đây văn có ba đoạn. Nghĩa là từ ban đầu đến “vô lượng tướng tốt”, tức là chánh báo. Từ “chỗ trụ” đến “trang nghiêm” là y báo. Từ “theo chỗ” v.v... trở xuống là nói chung hai báo, hiển bày tướng vô biên vô tận.

Chánh báo:

Văn sơ: Thân không phân chia, vô lượng tức không có giới hạn, nên kinh nói: “Sắc Như Lai vô tận”.

Nương thân có tướng: sắc tức là thân, nương sắc thân kia có tướng lớn.

Nương tướng có đẹp: tức nương tướng lớn lưu xuất ra tướng nhỏ. Đây là thân khác tướng, tướng đều mẫu nhiệm đẹp đẽ.

Nhưng tướng v.v... trở xuống, ý giải thích hiện tướng đẹp. Khải Công cũng nói: “Tiêu biểu đức gọi là tướng, vừa ý gọi là đẹp”. Nếu không công đức thì không kính trọng. Nếu không kính trọng thì không nhớ nghĩ.

Lấy niệm Phật: là lợi ích sâu nên hiện tướng. Nếu người đời hay

biến đổi thường tình kia, tâm nhớ nghĩ sắc đẹp thế gian, mà nhớ nghĩ tướng Phật thì đạo gần. Nhưng ta chưa thấy đức đẹp bằng sắc đẹp.

Hễ dùng tâm bi trang nghiêm thân: trong năng lực thân Phật khiến mẫu nhiệm đẹp đẽ, nếu không tốt đẹp thì không ưa thích, nếu không ưa thích thì không gần gũi, không gần gũi thì không nghe pháp, cho đến giải thoát. Ý Phật ở đây nên thị hiện tướng tốt kia. Trí Độ luận nói: “Người xấu nói pháp mẫu, người nghe không vui mừng”. Tăng Triệu nói: “Vì tôn hình nên thị hiện tướng đẹp như vậy”, há là tâm tục trang sức được ư!

Y báo:

**Sớ:** Năng, v.v ..., Y báo, Chánh báo tương xứng đều rộng lớn. Do thân, trụ vô lượng cõi trang nghiêm là xứng đáng. Tướng trang nghiêm công đức vô biên đầy đủ trong các kinh, ở đây không thể dẫn chứng hết.

Pha-chi-ca, Hán dịch là thủy ngọc, hoặc dịch là thủy châu.

Nói chung vô tận. Có hai:

Về không gian nói lên sự vô biên: Nói chỗ nào cũng v.v... trở xuống, ở đây nói chánh báo tức căn căn vô biên, y báo tức trần trần trùm khắp. Vô cùng tận, tức do không có bờ mé.

**Sớ:** Do đây v.v... trở xuống, là giải thích cái thấy không có phân hạn, sở dĩ Bồ-tát thuận lý Duy thức, nói sắc duy tâm không có phân chia. Do đây giải thích, chỗ thấy tướng xứng tâm quán kia, đều cùng khắp pháp giới dung nhau tự tại. Địa thượng trở lên thân chứng lý này không còn nghi ngờ. Tuy nhiên, trong đó tùy trí lực kia mà chỗ thấy có hơn kém, cạn sâu khác nhau. Như ở sau luận nói: “Trước Sơ địa thấy ít phần, nếu được tâm tịnh chỗ thấy mẫu nhiệm, cho đến Bồ-tát địa tận thấy rất ráo”. Nay nói theo mặt thông chẳng phân hơn kém, văn sau tự biết.

Về thời gian nói lên vô tận:

**Sớ:** Theo kia v.v... trở xuống, nếu thường có căn cơ cảm Phật, Phật tức là thường trụ. Nếu chẳng thấy, chẳng phải kia là đồ vật, công lỗi ở căn cơ, chẳng ở nơi Phật. Như trăng ở trong chậu, chẳng hiện do chậu bị vỡ. Như ở sau là nói chẳng phải ba tai: nước, gió, lửa. Như thứ lớp làm hoại sơ, nhị, tam thiền. Vả lại, đệ tứ thiền chưa ra khỏi ba cõi còn không thể hoại, gọi là bất động địa. Hướng chi là quả báo của Phật vượt ngoài ba cõi, nương chân mà trụ mà hoại được ư! Nên kinh Pháp Hoa nói: “Thường ở núi Linh Thứu và các chỗ trụ khác. Khi chúng sinh thấy kiếp hết lửa lớn thiêu đốt. Ta ở cõi này an ổn, trời người thường đầy

đủ”. Nếu y theo kinh Hoa Nghiêm thì: Không có một pháp nào chẳng phải là thân Phật Tỳ-lô-giá-na, không có một hạt bụi nào chẳng phải là biển thế giới Hoa Nghiêm”. Nay ý đồng ở kia, nên y báo chánh báo, đều nói vô lượng...”

Tổng kết quả do nhân: Ý khiến chúng sinh tu nhân vui chứng quả vui. Đây có thứ lớp với khoa trước, chính là đồng phần một phần hai trong bốn phần của kinh Hoa Nghiêm. Theo luận Địa Trì, chủng nhân Thập tín, Thập trụ trở đi, giải phương tiện, phần được của Sơ địa. Bát địa trở lên viên mãn nối tiếp, được Phật địa rốt ráo.

Nói Như thế cho đến thành tựu là tổng kết quả do nhân. Một câu đầu tổng kết hai quả y báo và chánh báo ở trên.

Điều nhân v.v... trở xuống gồm có ba nhân, các ba-la-mật, v.v... là hai nhân duyên và liễu, gọi chung là giúp nhau huân không thể nghĩa bàn huân là chánh huân tập.

Đây đủ v.v... trở xuống, là giải thích tên gọi. Do quả báo là đáp lại nhân làm nghĩa. Y báo, chánh báo ở trên đều vô lượng, là lúc đáp lại nhân vô lậu không thể nghĩ bàn huân tu. Nên số nói: “Vô chướng ngại”, nghĩa là y báo, chánh báo chẳng ngại nhau, đại tiểu nhập lẫn nhau, căn căn trần trần đều khắp pháp giới, hiện vô tận lẫn nhau. Đây có sáu câu, nghĩa là trong y báo hiện y báo, trong y báo hiện chánh báo, v.v... nên nói “vô ngại”.

Việc không thể nghĩ bàn: thời gian không bờ mé, không gian chẳng cùng tận, không hoại các tướng, mỗi mỗi trùm khắp cao quý thanh tịnh, há nghĩ bàn mà đến được ư!

Mười độ, đó là: Thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, phương tiện, nguyện, lực, trí.

Hành sâu, đều thuận theo tánh, như ở sau nói: “Đối với pháp chân như hiểu sâu hiện tiền, chỗ tu lìa tướng...”.

Hai nhân, là sinh nhân và liễu nhân. Tức duyên nhân và liễu nhân đều gọi là sinh nhân, chánh nhân tức liễu nhân, chỉ khai hợp có khác như vậy.

Lạc tướng v.v..., quả báo đã cao quý, nhân ắt tương xứng với tu, nhân tu đã mâu nhiệm thì được quả đầu thể thô, nên lạc tướng gọi là quả báo. Lập lại đoạn văn “phân biệt” nói rộng hai thân ở trước theo chỗ thấy khác nhau.

- Ứng thân:

**Số:** Phân biệt phạm khác tiểu, ở đây lại nói phạm phu một loài thấy, chẳng luận Nhị thừa. Kia tức người Thập tín về trước là dị sinh,

phàm phu.

Chân voi đen, kinh Quán Phật Tam-muội Hải chép: “Quán tướng tốt của Phật, như người cầm gương soi mặt mình, nếu sinh nhơ ác, tâm bất thiện, thì thấy Phật thuần màu đen, giống như người cháy. Trong chúng Thích tử năm trăm người, thấy sắc thân Phật giống như người màu tro. Trong chúng Tỳ-kheo có một ngàn người, thấy sắc thân Phật như người màu đất đỏ. Trong chúng Ưu-bà-tắc có mười sáu người, thấy sắc thân Phật như chân voi đen. Trong chúng Ưu-bà-di có hai mươi bốn người, thấy sắc thân Phật giống như mực đen. Như kinh ấy nói là câu thứ ba. Năm trăm Thích tử, xưa vào thời Tượng pháp của Đức Phật Tỳ-bà-thi có con của trưởng giả tên Nhật Nguyệt Đức, có năm trăm người con chẳng tin Phật pháp, gặp lúc đều bị bệnh, người cha liền dạy cho xưng danh hiệu Tam bảo. Vâng lời cha dạy, ba lần xưng chưa xong thì mỗi người đều qua đời. Do xưng danh hiệu Phật nên sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương. Thọ mạng cõi trời hết, do nhân tà kiến rơi vào đại địa ngục, bị khổ ép ngặt, nhớ lời cha dạy họ bèn xưng danh hiệu Phật. Nhờ niệm Phật nên từ địa ngục được sinh lên, vào nhà nghèo cùng, như thế từ Phật Thi-khí cho đến Phật Ca-diếp ra đời, chỉ nghe danh hiệu Phật mà không thấy thân Phật. Nhờ nghe danh hiệu sáu vị Phật như thế, nên sinh vào dòng họ Thích, tức nghiệp nhân duyên, thấy sắc Phật màu tro. Phật đây xưng danh hiệu bảy vị Phật và danh hiệu Phật Di-lặc và xưng tên cha, rơi lệ sám hối mới thấy tướng tốt màu vàng của Như Lai, bèn thành A-la-hán”.

Lại có một ngàn vị Tỳ-kheo ở trong thời Mạt pháp của Phật Nhiên Đăng, xuất gia học đạo với Hòa-thượng mà sinh tâm bất tịnh. Vị sư kia đã được quả A-la-hán, về sau các đệ tử tùy theo thọ mạng ngắn ngủi, khi sắp qua đời, không có chỗ nương cậy, sư bảo nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật Nhiên Đăng, nhờ năng lực lành đều được sinh lên cõi trời. Do nghiệp đời trước luống ăn của tín thí, nên rơi vào loài ngựa quỉ, trải qua bốn mươi tám ngàn năm, sau lại đọa vào súc sinh, trả tội súc sinh xong rồi sinh làm kẻ nghèo cùng. Lại do đời trước có năng lực xuất gia xưng Nam-mô Phật. Do xưng danh hiệu Phật nên trong tám ngàn đời thường được gặp Phật ở đời, mà mắt không thấy, cho đến ngày nay gặp Phật Thích-ca, thấy thân Phật như đất đỏ, chỉ cao bằng năm thước. Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền hiện trên ngực chữ “Đức”, bảo Tỳ-kheo đọc, đọc rồi sám hối liền thấy Phật sắc vàng và được thọ ký, thứ lớp thành Phật.

Lại, trong chúng Ưu-bà-di có mười sáu người, xưa từng ở cõi

Diêm-phù-đề mong làm vua, do thuận theo bạn ác, chẳng phải pháp mà nói pháp, đọa vào ngục A-tỳ. Do có nghe pháp khiến được gặp Phật mà thấy Thế tôn như chân voi đen. Phật dạy sám hối, thấy được Phật sắc vàng, bèn thành A-la-hán.

Trong thời tượng pháp của Phật Bảo Cái Đấng Vương, có một Tỳ-kheo ôn bát khát thực vào nhà dâm nữ, các dâm nữ cho cơm đầy bát và cười nói: “nhân sắc ông thật xấu xí, giống như mực đen, thân đắp y giống như kẻ ăn xin”. Tỳ-kheo nghe vậy liền quăng bát lên hư không, hiện thần thông và bỏ đi. Những người nữ này thấy vậy ân hận phát nguyện. Do nhân duyên bố thí cho ăn, nên trong hai ngàn kiếp thường không đói khát. Do ác khẩu mắng nhiếc Tỳ-kheo và nhân duyên dâm dục nên rơi vào địa ngục Hắc ám. Do năng lực phát nguyện, đời trước nên nay được gặp Phật mà thấy thân Phật giống như mực đen, Phật dạy sám hối bèn thành A-la-hán.

Bốn chúng như thế mỗi vị đều có cái thấy khác nhau chẳng đồng, do tự nghiệp nên quán sắc thân Phật có hơn kém như thế.

Thân ba thước, tức chỗ thấy của Câu-sự-la-trường.

Đề-vị v.v..., Phật ở dưới cây bồ-đề mới thành Chánh giác, Đề-vị đi qua do căn có thuận thực và năng lực Phật ngăn lại nên xe ngựa không tiến tới được. Đề-vị cho là thần kỳ núi rừng huyền tạo, bởi thế nên thấy Phật cho là thần cây, bèn dùng kệ khen hỏi Phật rằng:

*Dung nhan rất đặc biệt  
Giống như núi vàng tím,  
Chẳng hay con nhà ai?  
Thuộc về chủng tộc nào?  
Chưa biết ở đâu chứng?  
Nhân gì đến nơi đây?  
Ngày chẳng ăn bao nhiêu  
Chưa biết Ngài cần gì?*

Phật dùng kệ đáp rằng:

*Ta là vua Kim luân  
Con trong dòng Thánh đế  
Chán tục như đằm dãi  
Xuất gia chứng bồ-đề  
Thành đạo nay bấy ngày  
Không người cho ta ăn.*

Đề-vị liền dâng mật lên Phật, nghe pháp được chứng quả Tu-đà-hoàn. Nếu theo đây nói thì do Đề-vị trước chưa biết Phật nên nghi là

thần cây, chẳng cho rằng thấy tướng thần cây. Người trí nên xét kỹ.

Nhị thừa v.v., kia thật là Thanh văn, tức thấy Phật là tướng Tỳ-kheo già. Duyên giác thấy Phật là Bích-chi. Tuy nhiên, đây cũng chưa phải tướng xuất thế, do chẳng phải là tướng vui.

Báo thân: Có ba:

Trụ thượng phần thấy kém, có bốn:

Nói rõ năng kiến cạn sâu:

Nói thấy chút phần, ý nói dùng báo thân thấy chút phần. Do Bồ-tát này dùng sức tin sâu, nhập Tam-muội chân như, biết được Nhất tướng pháp giới, chỗ thấy báo thân biết thân không có tướng, giới hạn đến đi, nên sau dịch rằng: “Hạnh đầu của Bồ-tát thấy trong phẩm Dụng”.

**Số:** Thấy lý chân như, do nhập tướng tự quán thấy lý chân như, bèn thấy tướng báo thân không có đến đi, do tâm ảnh hiện, không lìa chân như.

Nói về giới hạn của sở kiến:

Nói: Không đến đi, chẳng đồng với phàm, tiểu thấy Phật sinh trong cung vua, diệt tại Song Lâm, có tướng đến đi. Số: “Tánh vô phân biệt”, không có tướng đến đi, lìa tướng giới hạn, biết sự tức lý không thể phân biệt. Như bóng tức gương không có định lượng. Nhưng chữ phân biệt hợp thành chữ giới hạn. Văn sau nói: “Bồ-tát này vẫn tự phân biệt”. Văn sau y theo đây.

Giải thích lý do không có giới hạn. Luận Chỉ nương tâm hiện, rõ cảnh do thức. Chẳng lìa chân như, biết tướng là tánh. Số có hai:

Lặp lại nạn giải thích chung:

Giải thích không v.v... trở xuống: là vặn hỏi.

Có người hỏi rằng: Theo Nhiếp Luận nói, Bồ-tát từ Sơ địa trở lên mới thấy Báo thân, sao nay vẫn nói trước Sơ địa cũng thấy ư? Nêu lại đoạn này.

Kia y theo v.v... trở xuống, là giải thích chung, luận ấy nói đứng về mặt chứng tương ứng. Nay luận nói Bồ-tát này phát thẳng ... ba tâm, tu bốn phương tiện như vô trụ..., thuận theo chân như, không chấp sắc tướng. Tuy chẳng thân chứng nên thấy, mà tin hiểu đạt sâu duy tâm, nên thấy lạc tướng. Tuy thấy lạc tướng cũng không đồng từ Sơ địa trở lên tự thân thấy sự mâu nhiệm. Nên văn trước chỉ nói: “Biết sắc tướng kia không đến đi, v.v...”.

Kết hội giải nói lại: Tức chẳng v.v... trở xuống. Nếu nói hoàn toàn thấy tức trái nhau, đã nói thấy từng phần, đủ để thông hiểu. Như số rất dễ hiểu.

Phân biệt Địa thượng: Nói Nhưng đây v.v... trở xuống, giảng từ Sơ địa trở lên. Do Bồ-tát này tuy được duy tâm vẫn chưa biết dứt sự thức. Sự thức đã còn, phân biệt chẳng quên, chẳng đồng từ Sơ Địa trở lên được vô phân biệt, chứng mới tương ứng.

Địa thượng phân thấy tâm thẳng tịnh:

**Luận:** Nếu được v.v... trở xuống, Sơ địa trở lên thấy từng phần.

Thẳng tịnh tâm, v.v..., là tên Sơ địa, tương ứng với chứng vượt hơn Sơ địa ở trước, nên nói “vi diệu”. Từ Nhị địa đến Thập địa, dần dần lại nhỏ nhiệm, nên nói “chuyển thẳng”.

Địa tận: là bậc Thập địa. Nhưng nói “càng cao quý” cũng chung cho trí năng kiến. Do trí dụng cao quý nên chỗ thấy cũng cao quý.

**Sớ:** Dẫn tế, v.v... mười thứ thân cõi báo ứng khác nhau. Sau sau cao siêu hơn trước trước, nên nói dẫn tế. Tâm sau của kim cương tức đạo giải thoát.

Dụng trở về thể: đứng về mặt năng kiến thì Thủ giác trở về Bản giác. Đứng về mặt sở kiến thì Báo thân trở về Pháp thân. Cõi tha thọ dụng trở về cõi pháp tánh. Dụng trở về thể thì không có chỗ thấy, nên nói “là rốt ráo”, trái lại là chưa rốt ráo. Hai chữ “tột nguồn” mỗi chữ chung hai nghĩa. Nghĩa là dứt hết nguồn vọng nhiễm tức tướng sinh hết. Chứng tột nguồn chân như tức Pháp thân hiện. Nhưng lại xét rõ trong luận này thấy nói rốt ráo, ý nói trong địa thứ mười chỗ thấy báo tướng tột cùng sâu kín. Ngoài ra, không còn tướng nào thù thắng hơn, nên nói rốt ráo. Chẳng cho rằng tướng tận cùng gọi là rốt ráo. Nếu như sơ giải thích thì chưa dám vâng mạng. Do kể đến vẫn nói: “Nếu lìa nghiệp thức thì không có tướng thấy”. Đây vẫn mới tạo tướng tận chứng cùng mà giải thích. Người trí nên xét rõ.

Rốt ráo vô kiến: Nói Nếu lìa v.v... trở xuống, có hai:

Nói về không thấy: Do ở địa vị Phật không còn có tướng Báo thân để thấy, do lìa niệm nhỏ nhiệm, chỉ ở nhất tâm thì đâu thể thấy.

Giải thích nguyên do: Nói do các v.v... trở xuống là giải thích lý do. Pháp thân vô tướng, niệm kia đây dứt, nhất chân bình đẳng, thì đâu có tướng thấy. Đáp đối như vậy.

Hỏi: Nói vì sao hiển sắc?. Báo Ứng thuộc về sắc, Pháp thân đã lìa sắc, tại sao hiện sắc Báo Ứng, như hư không chẳng phải sắc nên không thể nào hiển sắc? Đây có thể luận này.

Đáp: Luận Đáp v.v... trở xuống, có hai:

Giải thích Pháp thân năng hiện. Có hai:

Nêu: Pháp thân là sắc thể, ý nói Pháp thân tuy chẳng phải là sắc



mà là thể Báo, Hóa nên có khả năng hiện sắc, tức đồng hư không thể chẳng phải các tướng mà chẳng chống trái các tướng phát huy ở trong đó. Số Nói chung, y cứ văn cũng nên như vậy.

**Giải thích:** Nói Có chỗ cho rằng v.v... trở xuống, có hai:

Nói chung chẳng hai: Sắc tâm chẳng hai, tánh và tướng đồng một mối, như thể và dụng. Số Là kia v.v... trở xuống, pháp dụ rất dễ hiểu.

Nói riêng về nghĩa tướng tức: Luận: Sắc tánh v.v... trở xuống. Có hai:

Sắc tức tâm: Do tánh sắc tức trí. Sắc báo, hóa đối duyên mà thánh, tự không có tánh kia, tức do bản giác Pháp thân trí làm thể tánh, thể Pháp thân đã không hình tướng, vì dụng theo thể nên khiến báo, hóa cũng không có hình tướng. Do không hình tướng nên gọi là trí thân. Trí thân tức Pháp thân. Nên luận Kim Cương cho rằng: "Pháp thân là trí tướng thân, hóa thân là dị tướng thân". Văn số rất dễ hiểu.

Tâm tức sắc: Nói Trí tánh v.v... trở xuống.

Tức sắc, là trí Pháp thân, đã làm sắc thể, khi sắc báo, hóa, hiện tức là toàn thể khởi dụng. Tức báo, hóa này khi biến tất cả, liền là Pháp thân trùm khắp tất cả chỗ.

**Số:** Như nước v.v..., nói thể ở khắp trong dụng, có chỗ báo, hóa tức có Pháp thân. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: "Pháp tánh trùm khắp tất cả mọi nơi, tất cả chúng sinh và cõi nước, ba đời đều không còn thừa, cũng không có hình tướng để được", tức nói lên đoạn trước, như sóng hoàn toàn ở tại nước.

**Số:** Chẳng nói, v.v... là lược bớt.

Giải thích sở hiện:

Nói: Theo tên hay hiện, có hai ý:

Theo kia mỗi tâm khác nhau, mà hiện vô lượng y báo, chánh báo khác nhau.

Tất cả các sắc đều theo tâm tánh chân như mà hiện, khiến cho y báo, chánh báo không phân chia. Do tâm không phân biệt vô lượng Bồ-tát và báo thân, đứng về mặt thời gian ứng thì kia chẳng đồng, nói về mặt không gian thì mỗi địa có khác, nên đều vô lượng.

Trang nghiêm: chung cho Phật, Bồ-tát cùng y báo, là nghĩa tướng tốt châu báu trang nghiêm, rộng như kinh Hoa Nghiêm nói.

Mỗi thứ sai biệt: y báo, chánh báo khác nhau, thân tướng có khác.

Đều không phân biệt: chánh báo thì các căn tròn khắp, y báo thì mỗi trần khắp đủ.

Chẳng ngại nhau: nói lên sự sai biệt ở trước mà không phân biệt. Nếu có ngại nhau thì có phân biệt chẳng thành trùm khắp. Lại, ngại nhau thì hoại tướng của các căn v.v... Nay do chẳng hoại tướng mà cùng trùm khắp, đều không phân biệt, bất động biến mà đều khác, nên mỗi mỗi khác nhau, nên nói “mà chẳng ngại nhau”.

Đây chẳng v.v... trở xuống là ngăn nghi. E thường tình nghe điều này phân biệt muốn biết mà không thể biết liền sinh nghi, nên ở đây ngăn dứt. Như tự Tiểu thừa còn không biết cảnh giới Bồ-tát, huống chi phàm phu mà lường được công đức của Như Lai ư!

Do chân như v.v... trở xuống, là xuất phát lý do. Đã là dụng của chân như thì đâu thể dùng tâm thức hữu lậu mà biết được, ở đây nói lên không thể nghĩ bàn.

**Sớ:** Do kia v.v... trở xuống, rất dễ hiểu.

Ở trong v.v... trở xuống, là giải thích lại văn Bồ-tát. Ban đầu đứng về mặt năng hóa, sở hóa giải thích. Theo kinh Hoa Nghiêm thì đây đủ có mười thân khác nhau, đâu chỉ Bồ-tát ư!

Cũng có thể v.v... trở xuống, là giải thích về mặt sở hóa, nhưng trước chánh sau gồm.

Đốn phó: phần nhiều căn cơ chóng cảm ứng, Phật cũng chóng đến, nên báo thân cũng vô lượng. Đây là căn cơ cảm ứng vô ngại.

Do mỗi một v.v... trở xuống, giải thích mỗi thứ sai biệt ở trước của văn sau rồi. Do như kế đến ba câu là giải thích ba câu, đối văn rất dễ thấy, tức đại, tiểu vô ngại. Ngoài ra, văn rất dễ hiểu.

**- Hội tương nhập thật:**

Từ trên đến đây trước nói từ môn chân như khởi môn sinh diệt. Nay thì hội sinh diệt nhập ở vào chân như. Trước thì từ gốc khởi ngọn. Đây thì nhiếp ngọn về gốc, đều từ pháp giới có ra, đều trở về pháp giới, tức hai môn chẳng hai. Cũng đồng Trí Luận chép: “nếu chẳng có nghĩa không thì tất cả pháp chẳng thành”. Lại nói: “Trước phân biệt các pháp, sau nói rốt ráo không”. Nhưng nói tuy khác pháp nhưng chính đồng thời. Văn có thể chép gấp nên thành trước sau. Lại nếu chẳng phân biệt, đâu biết đây là không, nên kế đến nói rõ.

Nên nói: Tức nhập v.v..., chẳng phải sắc diệt không, chẳng bỏ duyên. Nên kinh Tịnh Danh nói: “Minh, vô minh là hai. Vô minh thật tánh tức là minh. Ở trong kia bình đẳng không hai, đó là nhập pháp môn không hai”.

Năm ấm, ba khoa đầu gồm nhiếp tất cả pháp hữu vi. Ấm là ngăn che, hay ngăn che chân lý không để hiển hiện; cũng gọi là uẩn, chứa

nhóm bao gồm pháp hữu vi. Năng tạo sở tạo, cả hai đầy đủ tám pháp, đều là sắc ấm nhiếp. Thọ, tưởng, hành, thức, các tâm, tâm sở gọi là bốn uẩn, đều thuộc về Tâm.

**Quán sắc:**

**Sớ:** Trước quán sắc v.v..., đứng đầu năm uẩn, đầu tiên hiện, nên kinh Đại Bát-nhã cũng nói trước.

Cảnh từ tâm khởi v.v..., như trước nói: “Tất cả các pháp chỉ nương vọng niệm mà có khác nhau...”. Lại nói: “Do tâm năng kiến nên cảnh giới vọng hiện. Lìa cái thấy thì không có cảnh giới”. Đã lìa cái thấy không cảnh giới, vì sao có thể niệm? Đây là nói về mặt sở niệm.

Chẳng thẳng v.v..., e cho rằng tâm sinh ra cảnh, cảnh ở trong tâm, ngoài tâm đã không, trong tâm lẽ ra có, nên có ra quán này để dứt mê hoặc kia.

Trước thì v.v..., do tâm lìa căn bản của sắc, nên đứng về mặt tâm mà cầu sắc. Nếu nương văn này chính là quán sắc, chưa phải quán tâm. Như nhân suy ra ngã không, gạn cầu uẩn pháp.

Dụ: Nói phương chẳng chuyển, phương Đông chẳng hề tạm chuyển làm phương Tây, chỉ người mê cho là tướng Tây. Kinh Viên Giác nói: “Thí như người mê chỗ bốn phương dời đổi. Phương Đông dụ cho chân tâm, Tây dụ cho năm ấm, v.v... chẳng chuyển dụ cho vô niệm”.

Pháp: Sở đã diệt v.v..., đứng về mặt ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai suy tìm tánh động không được. Như phương Đông suy ra tướng Tây không được. Trước nói: “Giác tâm mới khởi, tâm không có tướng ban đầu, v.v...”

**Kết:** Luận Biết tâm vô niệm, giác biết chân tâm vốn bất động.

**Sớ:** Phương tiện, năng sở đều quên. Chánh quán là tâm cảnh cả hai mất.

**Hỏi:** Trước nêu chỗ quán thông ở tâm sắc, vì sao tổng kết chỉ đứng về mặt tâm?

**Đáp:** Tâm tế sắc thô, gốc ngọn khác nhau, quán sắc không thì chưa được vào, quán tâm không thì chắc chắn sẽ vào. Nhưng ở đây văn hội tướng, nay lại xét rõ, chỉ có thể từ ban đầu đến môn chân như là nêu.

Từ cái gọi là v.v... trở xuống, là giải thích.

Tổng kết văn như khoa của số. Trong phần giải thích Pháp, Dụ, Hợp. Trong pháp ban đầu đến vô niệm là chánh quán sát. Suy cầu tức là quán sát.

Năm ấm, v.v..., là sở quán năm ấm, nêu chung khoa đầu.

Sắc tâm v.v... trở xuống, chỉ bày riêng về pháp thể. Sắc chung cho căn cảnh, tâm chung cho vương và sở, sáu trần nêu sở duyên.

Rốt ráo vô niệm, đây tức chánh quán sắc tâm sinh diệt, trở về chân như vô niệm. Niệm chung cho năng sở nay đều vắng lặng, gọi là Không. Chẳng suy cầu khiến cho không, vốn là tự không, nên nói rốt ráo. Nay nói “suy cầu”, do trước chưa biết khiến biết. Đây tức quán tâm và sắc chung.

Do tâm v.v... trở xuống, là giải thích lý do, vì sao sắc, tâm, cảnh giới đều vô niệm ư! Do đây đồng là chân tâm hiện. Chân tâm lìa tướng, nên nói “vô hình”. Do vô tướng nên cầu không thật có. Tâm hiện còn không thật có, chỗ hiện uẩn khắp há là còn ư! Như ở trước luận nói: “Tâm chẳng thấy tâm, không có tướng để được” là biết nói về vô niệm. Đã sớm biết sắc tâm đều cùng tận, chẳng cho rằng văn sau đầu tiên mới quán tâm. Người trí nên xét kỹ.

